TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2021/KDTM-ST
Ngày: 17/6/2021.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân**.**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa.
Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Ngô Thị Thu Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 104/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐ-HPT ngày 27/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu.

Địa chỉ: Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 phố Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Thông -Tổng Giám đốc.

Người Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Hưng - Phó Giám đốc chi nhánh Thăng Long.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài và bà Nguyễn Thị Huệ.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1980.

2.2. Chị Lê Thị D, sinh năm 1984 (Vợ ông Hải).

Trú tại: Thôn Gia L, xã Việt H, huyện A, Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Kiều Thị H, sinh năm 1951 (Mẹ anh H).

3.2. Cháu Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 2003 (Con anh H, chị D).

3.3. Cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2007 (Con anh H, chị D).

3.4. Cháu Nguyễn Hữu Minh C, sinh năm 2009 (Con anh H, chị D).

3.5. Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1983 (Em trai anh H).

Cùng trú tại: Thôn Gia L, xã Việt H, huyện A, Hà Nội.

3.6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (Chị gái anh H).

Trú tại: Thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3.7. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, chết ngày 23/12/2014 gồm: Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1973 (chồng chị Nguyễn Thị H) và cháu Nguyễn Thị Hoài A, sinh năm 1998 (con chị Nguyễn Thị H).

Trú tại: Thôn Gia L, xã Việt H, huyện A, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị Thu T, cháu Nguyễn Hữu Minh C là ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị D.

Có mặt: Bà H, bà H, bà H.

Vắng mặt: Anh H, chị D, anh Hiếu, chị Hiền, anh Đạt, cháu Hoài Anh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2020 và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:***

Ngày 26/9/2014, Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu – Phòng giao dịch GPBank A đã ký Hợp đồng tín dụng số: 0268/2014/TLD/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 0268/2014/TLD/KUNN01 ngày 26/9/2014 với anh Nguyễn Hữu Hvà chị Lê Thị D, nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 250.000.000đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*.
- Phương thức vay: Vay từng lần.
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 26/09/2014 đến ngày 26/09/2015.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.
- Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng 1 lần vào ngày mùng 10 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên là 12,5%, được thỏa thuận theo như điều 2 khế ước nhận nợ ngày 26/9/2014 giữa ngân hàng và bên vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Hữu Hvà chị Lê Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: Dư nợ gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 28/04/2021:

+ Nợ gốc quá hạn: 0 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 21.953.798 đồng.
+ Nợ lãi quá hạn và phạt chậm trả: 220.503.437đồng.
Tổng cộng: 242.457.235 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là**:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 51 có địa chỉ: Thôn Gia L, xã Việt H, huyện A, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số U 918762 do Uỷ ban nhân dân huyện A, Hà Nội cấp ngày 25/7/2002 mang tên hộ gia đình bà Kiều Thị H.

Nay, Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu yêu cầu anh Nguyễn Hữu Hvà chị Lê Thị D phải trả Ngân hàng số nợ tính đến hết ngày 28/04/2021 là:

+ Nợ gốc quá hạn: 0 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 21.953.798 đồng.
+ Nợ lãi quá hạnvà phạt chậm trả: 220.503.437đồng.
Tổng cộng: 242.457.235 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng).

Trường hợp anh Nguyễn Hữu Hvà chị Lê Thị D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 51,

diện tích 180 m^2 có địa chỉ: Thôn Gia L, xã Việt H, huyện A, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số U 918762 do Uỷ ban nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/7/2002 mang tên hộ gia đình bà Kiều Thị H.

Trường hợp xử lý tài sản trên không đủ thanh toán khoản vay, thì khách hàng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đến khi hết khoản vay.

**** Bị đơn trình bày:*** Năm 2014, vợ chồng anh chị có vay Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu số tiền 250.000.000 đồng. Đến nay đã trả hết số nợ gốc, còn nợ tiền lãi. Nay anh chị đề nghị Ngân hàng miễn tiền lãi cho vợ chồng anh chị vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Việc xử lý tài sản thế chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kiều Thị H trình bày:***

Gia đình bà có ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 51 thôn Gia Lộc, xã Việt Hùng, huyện A, Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của con trai và con dâu bà là anh Nguyễn Hữu H, chị Lê Thị D tại Ngân hàng.

Bà được biết tính đến hết ngày 28/04/2021, Ngân hàng hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu yêu cầu anh H, chị D trả số nợ gồm:

+ Nợ gốc quá hạn: 0 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 21.953.798 đồng.
+ Nợ lãi quá hạnvà phạt chậm trả: 220.503.437đồng.

Tổng cộng: 242.457.235 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi bẩy nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng).

Do hoàn cảnh kinh tế gia đình bà hiện nay rất khó khăn, đề nghị Ngân hàng miễn giảm cho gia đình 60.000.000 đồng tiền lãi, số nợ lãi còn lại gia đình sẽ trả dần cho Ngân hàng.

Hiện nay trên tài sản thế chấp đang sinh sống gồm các nhân khẩu sau: Kiều Thị H, anh Nguyễn Hữu H, chị Lê Thị D, sinh năm 1984, cháu Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Thị Thu T, cháu Nguyễn Hữu Minh C. Ngoài ra không có ai khác.

Đối với người liên quan là anh Nguyễn Hữu H, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trọng Đ, cháu Nguyễn Thị Hoài A không cung cấp lời khai.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định đến ngày 17/6/2021, vợ chồng anh H, chị D còn nợ Nguyên đơn các khoản tiền gồm:

+ Nợ gốc quá hạn: 0 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 21.953.798 đồng.
+ Nợ lãi quá hạn: 195.881.261 đồng.
+ Lãi phạt chậm trả lãi: 25.182.455 đồng.

Tổng cộng là: 243.017.541 đồng.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu. Không chấp nhận khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi 25.182.455 đồng.

Vụ án thuộc trường hợp án phí có giá ngạch, cả Nguyên đơn và Bị đơn đều phải chịu tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét nhận định:

{1} Về quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

{2}. Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu H, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trọng Đ, cháu Nguyễn Thị Hoài A đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và dành quyền kháng cáo cho họ là phù hợp pháp luật.

{3} Về nội dung:

{3.1} Về hợp đồng tín dụng: Các bên đương sự đều thừa nhận giữa Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu với anh Nguyễn Hữu Hải, chị Lê Thị D đã ký Hợp đồng tín dụng số: 0268/2014/TLD/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 0268/2014/TLD/KUNN01 ngày 26/9/2014 . Đồng thời, các bên đương sự thừa nhận, đến nay vợ chồng anh H đã trả hết số nợ gốc, còn nợ tiền lãi. Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh H phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi hiện còn nợ gồm:

Tính đến ngày 17/6/2021, anh Nguyễn Hữu H, chị Lê Thị D còn nợ Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu các khoản tiền gồm:

+ Nợ gốc quá hạn: 0 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 21.953.798 đồng.
+ Nợ lãi quá hạn: 195.881.261 đồng.
+ Lãi phạt chậm trả lãi: 25.182.455 đồng.
Tổng cộng là: 243.017.541 đồng.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng các bên ký ngày 26/9/2014 nên theo quy định của pháp luật thì khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi không được chấp nhận. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng anh H phải trả khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi 25.182.455 đồng là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Như vậy, cần buộc anh Nguyễn Hữu Hvà chị Lê Thị D phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu tổng số tiền lãi chưa trả gồm:

+ Nợ gốc quá hạn: 0 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 21.953.798 đồng.
+ Nợ lãi quá hạn: 195.881.261 đồng.
Tổng cộng là: 217.835.059 đồng (Hai trăm mười bẩy triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm năm mươi chín đồng).

{3.2} Về tài sản đảm bảo thì thấy: Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 51, diện tích 180 m^2 có địa chỉ: Thôn Gia L, xã Việt H, huyện A, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số U 918762 do Uỷ ban nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/7/2002 mang tên hộ gia đình bà Kiều Thị H.

Việc thế chấp tài sản được lập thành Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 6763/2011/HĐTC ngày 15/8/2011 tại Văn phòng công chứng Trung Tâm. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp nêu trên được các bên ký tại Văn phòng công chứng, có đầy đủ chữ ký của Ngân hàng và các bên liên quan. Các chủ thể ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Hiện đang sinh sống trên nhà, đất thế chấp gồm có: Kiều Thị H, sinh năm 1951, anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1980, chị Lê Thị D, sinh năm 1984, cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 2003, cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2007, cháu Nguyễn Hữu Minh C, sinh năm 2009. Ngoài ra không có ai khác. *{4}Về án phí:* Anh Nguyễn Hữu H và chị Lê Thị D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận.

{5} Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều: 275, 280, 293, 299, 320, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Ngân hàng nhà nước năm 2010;
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bản đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006.
- Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu đối với anh Nguyễn Hữu Hvà chị Lê Thị D về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc anh Nguyễn Hữu Hvà chị Lê Thị D phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu tổng số tiền lãi còn nợ là **217.835.059 đồng (Hai trăm mười bẩy triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm năm mươi chín đồng).**

3. Trường hợp anh Nguyễn Hữu Hvà chị Lê Thị D không thanh toán được khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 51, diện tích 180 m^2 có địa chỉ: Thôn Gia L, xã Việt H,

huyện A, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số U 918762 do Uỷ ban nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/7/2002 mang tên hộ gia đình bà Kiều Thị H.

4.Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Nguyễn Hữu Hvà chị Lê Thị D phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Hữu H và chị Lê Thị D phải chịu toàn bộ tiền án phí là 10.892.000 đồng (Mười triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu phải chịu 1.259.000 (Một triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí để sung vào ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.967.000 đồng, Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu được nhận lại số tiền 6.708.000 đồng (Sáu triệu, bẩy trăm linh tám nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0017623 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND T.P Hà Nội;*
- *VKSND huyện A;*
- *Chi cục THADS A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*

Đỗ Thị Vân